

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI - WTO

Những nguyên tắc cơ bản (tt)

7. Quyền khước từ và khả năng áp dụng những hành động cần thiết trong trường hợp khẩn cấp.
8. Các thỏa thuận về mậu dịch khu vực: thừa nhận sự cần thiết của hợp tác kinh tế khu vực.

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI - WTO

Những nguyên tắc cơ bản (tt)

9. Điều kiện đặc biệt dành cho các nước đang phát triển: cho phép các nước đang phát triển được hưởng các điều kiện ưu đãi hơn trong việc tiếp cận thị trường, hạn chế sử dụng hàng rào mới đối với xuất khẩu ban đầu và xuất khẩu đặc biệt từ các nước kém phát triển hơn.

10. Chế độ ngoại lệ cho hàng dệt may.

Diễn đàn sinh viên ĐH Kinh Tế TP HCM

(C) HVL-VNU_HCM

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI - WTO

Các hiệp định của WTO

Để điều chỉnh hệ thống thương mại quốc tế, WTO có 16 hiệp định chính:

- (1) HĐ chung về thuế quan và mậu dịch (GATT-94)
- (2) HĐ về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT)

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI - WTO

Các hiệp định của WTO (*tt*)

(3) HĐ về các biện pháp kiểm dịch (SPS)

(4) HĐ về thủ tục cấp phép nhập khẩu (IPL)

(5) HĐ về quy tắc xuất xứ (RoO)

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI - WTO

Các hiệp định của WTO (*tt*)

- (6) HĐ về kiểm tra trước khi giao hàng (PSI)
- (7) HĐ về việc giá trị tính thuế hải quan (ACV)
- (8) HĐ về các biện pháp tự vệ (ASG)
- (9) HĐ về trợ cấp (SCM)

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI - WTO

Các hiệp định của WTO (*tt*)

(10) HĐ về chống phá giá (ADP)

(11) HĐ về nông nghiệp (AoA)

(12) HĐ về hàng dệt may (ATC)

(13) HĐ về các biện pháp đầu tư liên quan đến

thương mại (TRIMs)

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI - WTO

Các hiệp định của WTO (*tt*)

- (14) HĐ về thương mại dịch vụ (GAST);
- (15) HĐ về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại (TRIPs);
- (16) Thoả thuận về các quy tắc và thủ tục giải quyết tranh chấp (DSU).

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

CÁC THỎA THUẬN THƯƠNG MẠI KHU VỰC

1. Câu lạc bộ mậu dịch ưu đãi (*Preferential Trading Club*)

-Các quốc gia thành viên cắt giảm thuế quan đối với mậu dịch hàng hoá của nhau.

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

CÁC THỎA THUẬN THƯƠNG MẠI KHU VỰC

2. Khu vực mậu dịch tự do (FTA – *Free Trade Area/Association*)

- Bãi bỏ thuế quan và các rào cản đối với mậu dịch nội khối
- Mỗi quốc gia duy trì mức thuế riêng đối với bên ngoài

- mậu dịch lệch hướng (*Trade deflection*)

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

CÁC THỎA THUẬN THƯƠNG MẠI KHU VỰC

3. Liên minh thuế quan (*Custom Union*)

- Bãi bỏ thuế quan và các rào cản đối với mậu dịch nội khối
- Thống nhất thuế quan chung đối với bên ngoài

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

CÁC THỎA THUẬN THƯƠNG MẠI KHU VỰC

4. Thị trường chung (*Common Market*)

- Bãi bỏ thuế quan và các rào cản đối với mậu dịch nội khối.
- Cho phép các yếu tố sản xuất tự do di chuyển giữa các nước thành viên.

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

CÁC THỎA THUẬN THƯƠNG MẠI KHU VỰC

5. Liên minh kinh tế (*Economic Union*)

- Bãi bỏ thuế quan và các rào cản đối với mậu dịch nội khối.
 - Cho phép các yếu tố sản xuất tự do di chuyển giữa các nước thành viên.
 - Thống nhất các chính sách tài chính, tiền tệ.
- Tiến tới sử dụng chung một đồng tiền.



LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

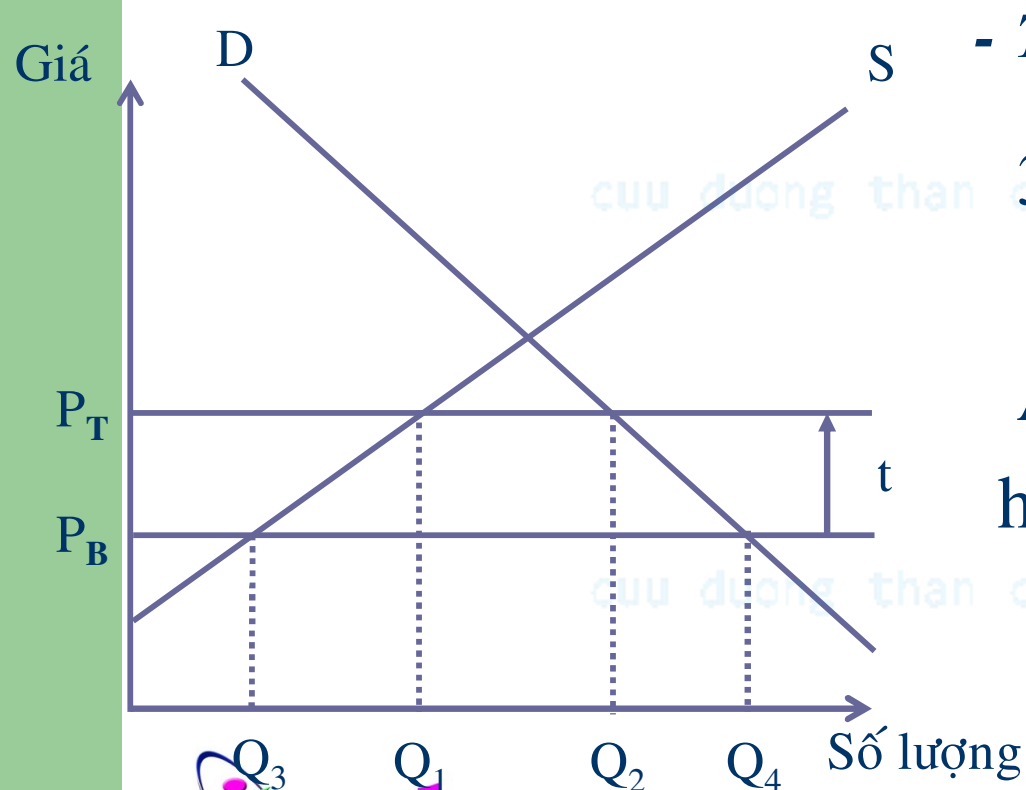
Lý thuyết về liên minh thuế quan

Liên minh thuế quan có thể dẫn tới hai tác động:

- Tạo lập mậu dịch (*Trade Creation*)
- Chuyển hướng mậu dịch (*Trade Diversion*)

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

Lý thuyết về liên minh thuế quan



- Tác động “Tạo lập mậu dịch”

3 quốc gia A, B, C:

$$P_A > P_C > P_B$$

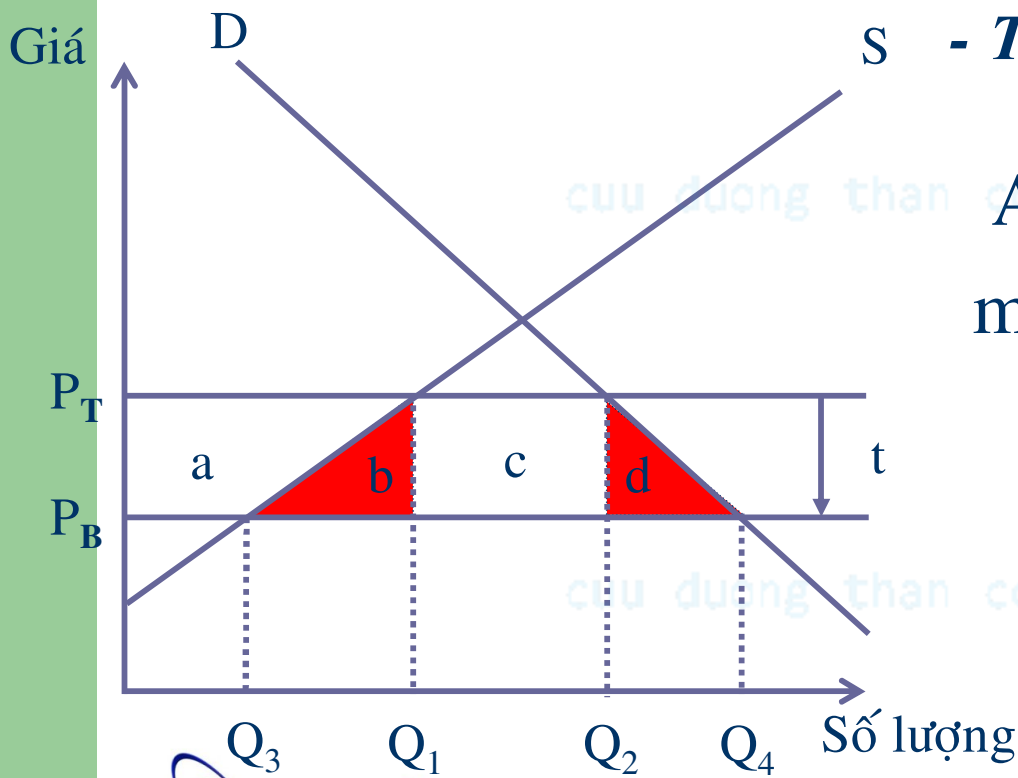
A đánh thuế (t) lên hàng
hoá từ B & C

Thị trường hàng hoá quốc gia
A

(C) HVL-VNU_HCM

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

Lý thuyết về liên minh thuế quan



S - Tác động “Tạo lập mâu dịch”

A & B thành lập liên minh thuế quan

Thị trường hàng hoá quốc gia A

Diễn đàn sinh viên ĐH Kinh Tế TP HCM

(C) HVL-VNU_HCM

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

Lý thuyết về liên minh thuế quan

- Tác động “Tạo lập mậu dịch”

Đối với A:

NTD: $+(a+b+c+d)$

NSX: $-a$

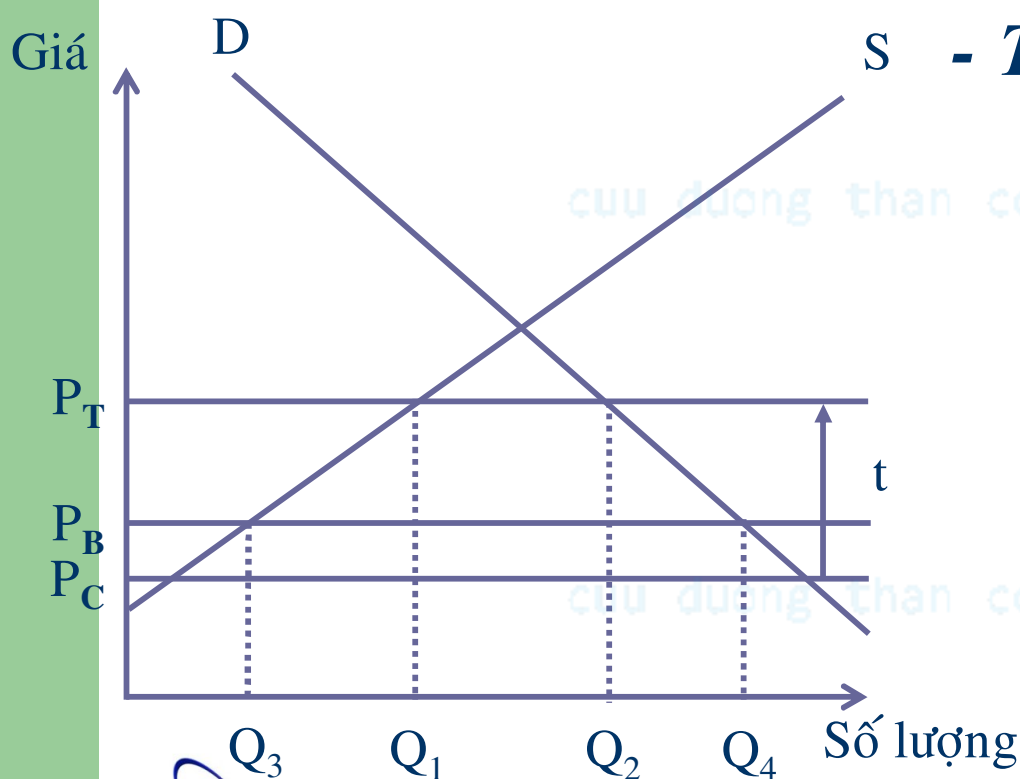
NSNN: $-c$

Nền kinh tế: $+(b+d)$

→ Gia tăng lợi ích

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

Lý thuyết về liên minh thuế quan



*S - Tác động “Chuyển hướng
mậu dịch”*

3 quốc gia A, B, C:

$$P_A > P_B > P_C$$

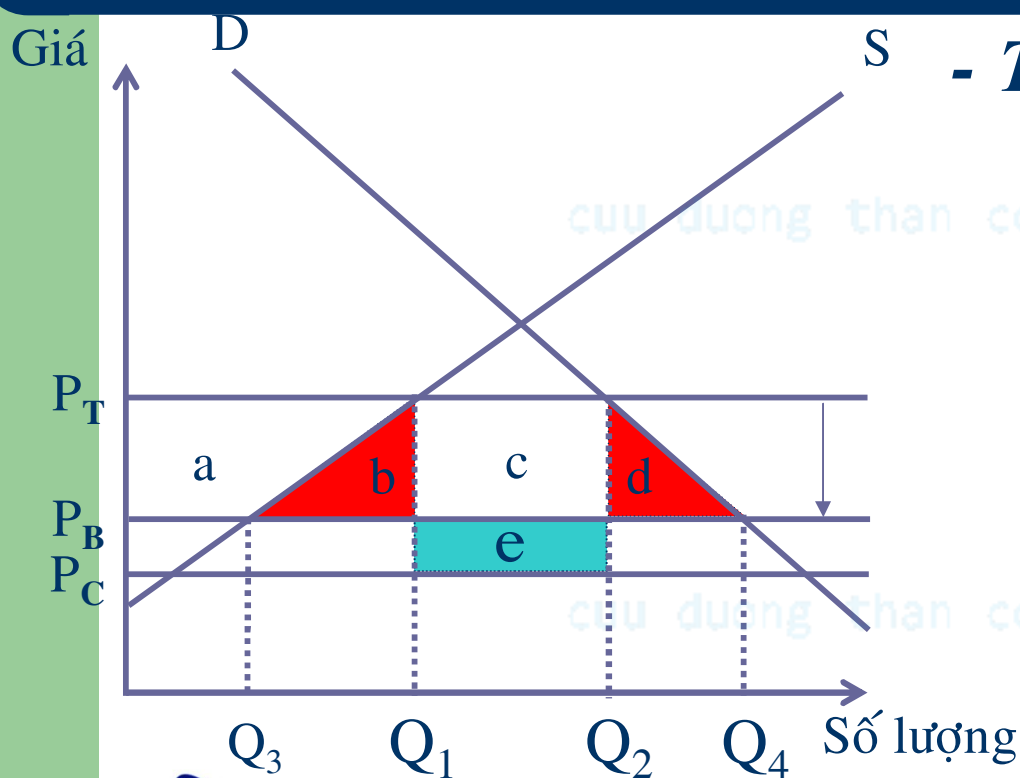
A đánh thuế (t) lên hàng
hoá từ B & C

Thị trường hàng hoá quốc gia A
Điền đến sinh viên ĐH Kinh Tế TP HCM

(C) HVL-VNU_HCM

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

Lý thuyết về liên minh thuế quan



- Tác động “Chuyển hướng
mậu dịch”

A & B thành lập liên
minh thuế quan
Giá hàng hoá trên thị
trường quốc gia A
giảm còn P_B

Thị trường hàng hoá quốc gia A
Điển đàn sinh viên ĐH Kinh Tế TP HCM

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

Lý thuyết về liên minh thuế quan

- Tác động “Chuyển hướng mậu dịch”

Đối với A:

NTD: $+(a+b+c+d)$

NSX: $-a$

NSNN: $-(c+e)$

Nền kinh tế: $+(b+d) - e \rightarrow ?$

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

Lý thuyết về liên minh thuế quan

- Tác động “Chuyển hướng mậu dịch”

Đối với B: gia tăng xuất khẩu sang A

Đối với C: thiệt hại (xuất khẩu sang A giảm = 0)

Đối với thế giới: thiệt hại do sử dụng nguồn lực không hiệu quả

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

Các ảnh hưởng khác

- thị trường mở rộng, gia tăng áp lực cạnh tranh – nâng cao hiệu quả, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới
- tạo ra môi trường kích thích thay đổi kỹ thuật và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

Các ảnh hưởng khác (tt)

- gia tăng đầu tư trong nội bộ liên hiệp và từ các nước bên ngoài
- chuyên môn hóa cao hơn: tiết kiệm chi phí nhờ quy mô, phát triển tầng lớp công nhân và các nhà quản lý lành nghề

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẬU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA *(ASEAN'S FREE TRADE AREA)*

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA

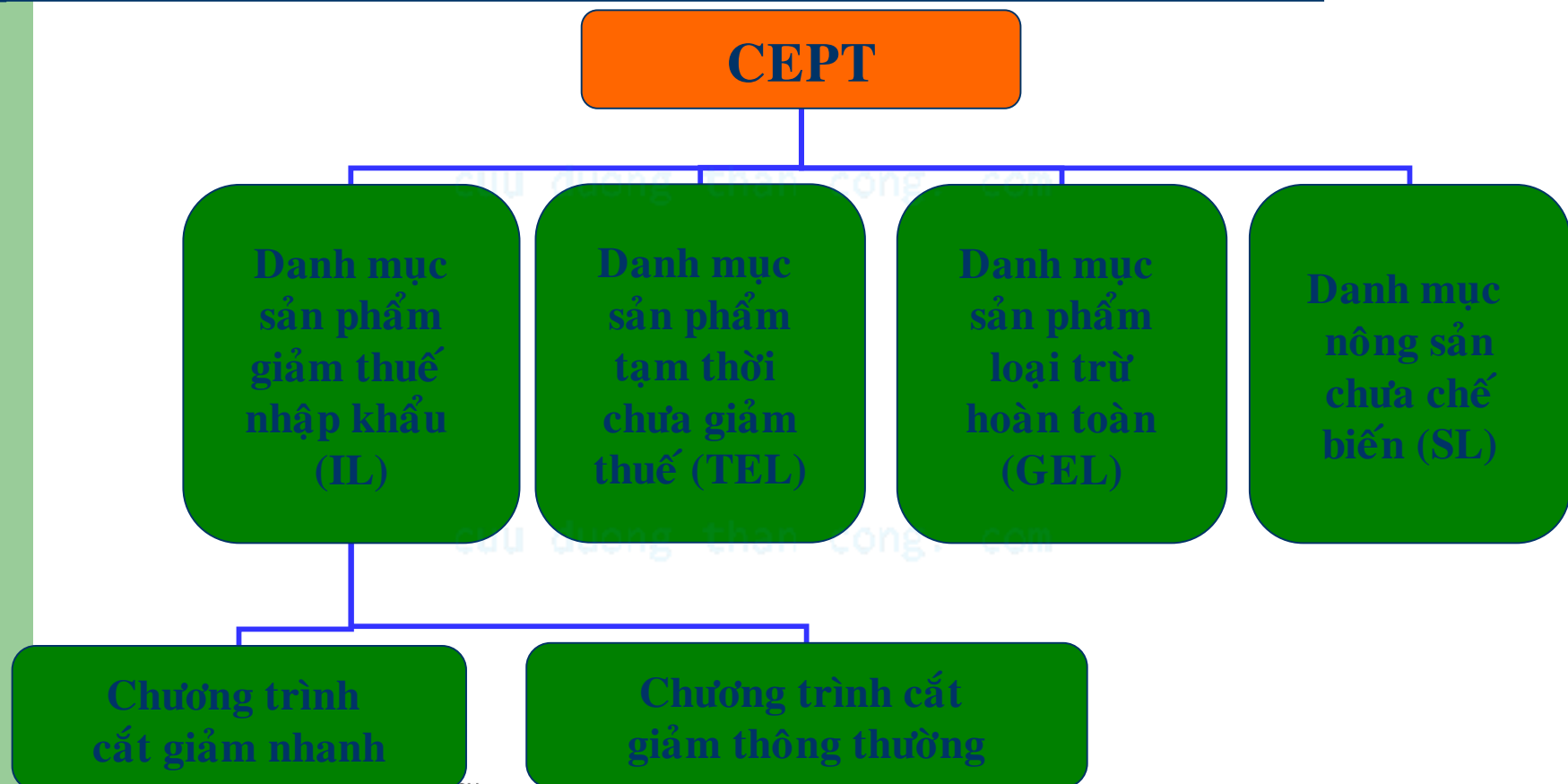
Mục tiêu

- Thúc đẩy buôn bán giữa các nước trong khu vực nhờ chế độ thuế quan ưu đãi (CEPT) và các ưu đãi khác.
- Tăng khả năng cạnh tranh của các nước ASEAN trên trường quốc tế.
- Xây dựng các cơ chế và điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế của các nước thành viên.



LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT



LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

Danh mục giảm thuế nhập khẩu (IL)

2 cấp độ cắt giảm:

- Chương trình cắt giảm thuế quan nhanh
- Chương trình cắt giảm thuế quan thông thường

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

Danh mục giảm thuế nhập khẩu (IL)

➤ Chương trình cắt giảm thuế quan nhanh

Áp dụng đối với các sản phẩm hiện nay thuế nhập khẩu đang có mức từ 20% trở xuống, sẽ cắt giảm và được cắt giảm theo 2 bước:

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

Danh mục giảm thuế nhập khẩu (IL)

➤ Chương trình cắt giảm thuế quan nhanh

+ các sản phẩm có thuế quan dưới 20% sẽ được cắt giảm xuống 0-5% trong vòng 7 năm (1/1993 – 1/2000)

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

Danh mục giảm thuế nhập khẩu (IL)

➤ Chương trình cắt giảm thuế quan nhanh

+ các sản phẩm hiện đang có mức thuế quan 20% sẽ được cắt giảm đến mức 0-5% trong vòng 10 năm (1/1993 – 1/2003)

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

Danh mục giảm thuế nhập khẩu (IL)

➤ Chương trình cắt giảm thuế quan thông thường
Áp dụng đối với các sản phẩm hiện nay có mức
thuế quan trên 20%, sẽ được cắt giảm theo 2 bước:

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

Danh mục giảm thuế nhập khẩu (IL)

➤ Chương trình cắt giảm thuế quan thông thường

+ cắt giảm thuế quan các sản phẩm trên 20% xuống mức 20% trong vòng từ 5 đến 8 năm.

+ cắt giảm tiếp tục thuế quan xuống dưới 5% trong vòng 7 năm tiếp theo.

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

Danh mục các sản phẩm tạm thời chưa giảm thuế (TEL)

Hiệp định CEPT cho phép các nước thành viên đưa ra một số sản phẩm tạm thời chưa thực hiện tiến trình giảm thuế theo kế hoạch của CEPT.

cuu duong than cong. com

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

Danh mục các sản phẩm tạm thời chưa giảm thuế (TEL)

Lịch trình chuyển các sản phẩm trong Danh mục loại trừ tạm thời sang Danh mục cắt giảm thuế trong vòng 5 năm, từ 1/1/1996 đến 1/1/2000; mỗi năm chuyển 20% số sản phẩm trong danh mục loại trừ tạm thời.

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

Danh mục sản phẩm loại trừ hoàn toàn (GEL)

Gồm các sản phẩm không tham gia CEPT.

Các sản phẩm này ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, đạo đức xã hội, cuộc sống, sức khỏe con người, động vật, đến bảo tồn các giá trị văn hoá nghệ thuật, di tích khảo cổ.

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

Danh mục sản phẩm loại trừ hoàn toàn (GEL)

Việc cắt giảm thuế cũng như xóa bỏ các biện pháp phi thuế quan đối với các mặt hàng sẽ không được xem xét trong chương trình CEPT.

cuu duong than cong. com

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

Danh mục sản phẩm nông sản chưa chế biến nhạy cảm (SL)

Sản phẩm nông sản chưa chế biến sẽ tùy thuộc vào điều kiện kinh tế từng quốc gia chia làm 3 loại danh mục khác nhau:

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

*Danh mục sản phẩm nông sản chưa chế biến
nhạy cảm (SL)*

- Danh mục giảm thuế
- Danh mục loại trừ tạm thời
- Danh mục các sản phẩm chưa chế biến nhạy cảm.

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

*Danh mục sản phẩm nông sản chưa chế biến
nhạy cảm (SL)*

-Danh mục giảm thuế

Sản phẩm nông sản chưa chế biến trong danh mục cắt giảm thuế ngay được chuyển vào chương trình cắt giảm thuế bình thường vào 1/1/1996 và sẽ được giảm xuống từ 0-5% vào tháng 1/2003.

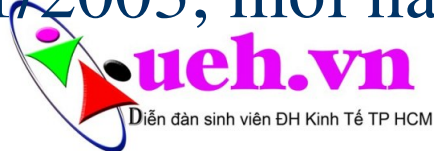
LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

*Danh mục sản phẩm nông sản chưa chế biến
nhạy cảm (SL)*

-Danh mục loại trừ tạm thời

Các danh mục loại trừ tạm thời của hàng nông sản chưa chế biến sẽ được chuyển sang danh mục cắt giảm thuế trong vòng 5 năm, từ 1/1998 đến 1/2003, mỗi năm chuyển 20%.



LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

Danh mục sản phẩm nông sản chưa chế biến nhạy cảm (SL)

-Danh mục các sản phẩm chưa chế biến nhạy cảm

- danh mục các sản phẩm chưa chế biến nhạy cảm
- danh mục các sản phẩm nông sản chưa chế biến nhạy cảm cao

Việc cắt giảm thuế đối với các sản phẩm nhạy cảm sẽ kết thúc vào năm 2010 với mức thuế suất phải đạt là 0-5%.

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI THEO CHƯƠNG TRÌNH CEPT

- Sản phẩm đó phải nằm trong Danh mục cắt giảm của cả nước xuất khẩu và nhập khẩu, và phải có mức thuế quan (nhập khẩu) bằng hoặc thấp hơn 20%.
- Sản phẩm đó phải có chương trình giảm thuế được Hội đồng AFTA thông qua.

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI THEO CHƯƠNG TRÌNH CEPT

- Sản phẩm đó phải là một sản phẩm của khối ASEAN, tức phải thoả mãn yêu cầu hàm lượng xuất xứ từ các nước thành viên ASEAN ít nhất là 40%.
- Hàng hoá nhập khẩu phải được vận chuyển thẳng tới nước xuất khẩu.

LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ

KHU VỰC MẠU DỊCH TỰ DO ASEAN – AFTA: CEPT

ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC HƯỞNG THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI THEO CHƯƠNG TRÌNH CEPT

Hàng hoá được coi là vận chuyển thẳng khi:

- Hàng hoá được vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu sang nước nhập khẩu thông qua một lãnh thổ của một nước thứ ba.
- Hàng hoá quá cảnh qua các nước thành viên ASEAN.
- Hàng hoá qua các nước láng giềng của ASEAN do yêu cầu của vận tải hoặc bảo quản hàng hoá thuận lợi.



KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ

DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

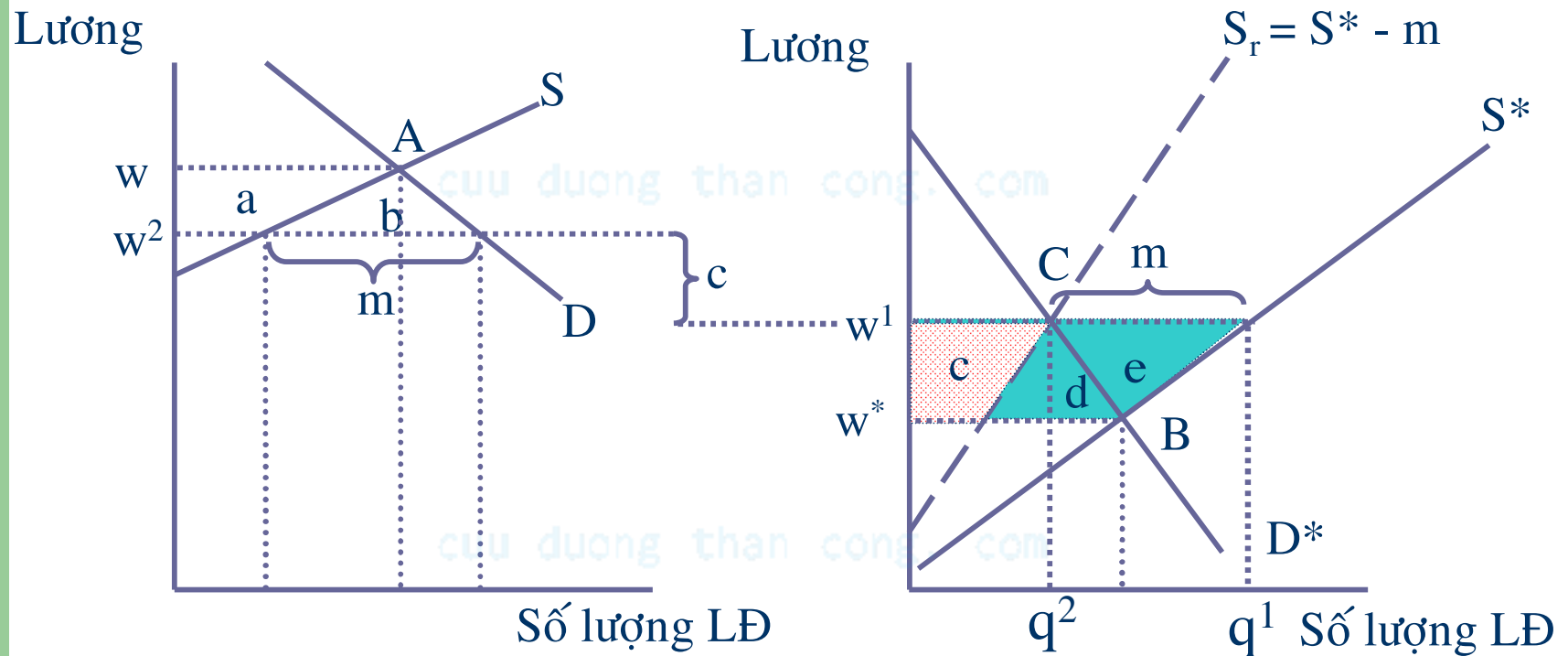


NỘI DUNG

1. Sự di chuyển quốc tế của nguồn lực lao động
2. Sự di chuyển nguồn vốn

DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ

Sự di chuyển quốc tế của nguồn lực lao động



DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ

Sự di chuyển quốc tế của nguồn lực lao động

Đối với quốc gia A

Nhà sản xuất: $+(a+b)$

Người lao động: $-a$

Tác động: $+b$

DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ

Sự di chuyển quốc tế của nguồn lực lao động

Đối với quốc gia B

Nhà sản xuất : $-(c+d)$

Người lao động : $+c$

Tác động: $-d$

Người di cư: $+(d+e)$

DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ

Sự di chuyển quốc tế của nguồn lực lao động

Tác động đối với tài chính nhà nước (số thu thuế và chi tiêu):

➤ Ở quốc gia quê nhà của người di cư

Giảm thu nhập từ thuế > giảm chi phúc lợi xã hội cho người di cư → thiệt hại cho ngân sách.

→ Giải pháp: Thuế di cư

DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ

Sự di chuyển quốc tế của nguồn lực lao động

Tác động đối với tài chính nhà nước (tt):

Ở nước nhập cư

Tăng thu nhập từ thuế > tăng chi phúc lợi xã hội cho người nhập cư → tăng thu ngân sách.

DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ

Sự di chuyển quốc tế của nguồn lực lao động

Tác động phi thị trường

- Sự phổ biến kiến thức

bí quyết thủ công, công thức nấu ăn, tài năng nghệ thuật

→ lợi ích bổ sung cho nước nhập cư

DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ

Sự di chuyển quốc tế của nguồn lực lao động

Tác động phi thị trường (tt)

- Tình trạng quá tải dân cư

mật độ dân số quá cao – tiếng ồn, xung đột, tội phạm.

- Căng thẳng xã hội

Vấn đề xung đột xã hội giữa người bản xứ và người di cư.

DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ

Sự di chuyển quốc tế của nguồn lực lao động

Chính sách nhập cư của các nước phát triển:

- Chính sách chọn lọc
 - *ưu tiên những người lao động có học vấn, kỹ năng*
- Chính sách nhập cư từng bước
 - *cho phép một số lượng nhất định được nhập cư trong năm*

DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ

TÍN DỤNG QUỐC TẾ

- Tư nhân
- Nhà nước

- Dài hạn
- Ngắn hạn

- Trực tiếp
- Gián tiếp

DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ

TÍN DỤNG QUỐC TẾ

Tín dụng tư nhân

Đầu tư dài hạn (trái phiếu, cổ phiếu, việc sử dụng bằng sáng chế hay quyền tác giả).

- *Đầu tư trực tiếp*

- *Đầu tư gián tiếp*

Đầu tư ngắn hạn (thời hạn dưới 1 năm – chủ yếu là đầu tư gián tiếp).



DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ

TÍN DỤNG QUỐC TẾ

Tín dụng nhà nước

- chủ yếu là đầu tư gián tiếp, cả ngắn hạn và dài hạn.

DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ

TÍN DỤNG QUỐC TẾ

Tác động của sự di chuyển vốn quốc tế

2 quốc gia A và B

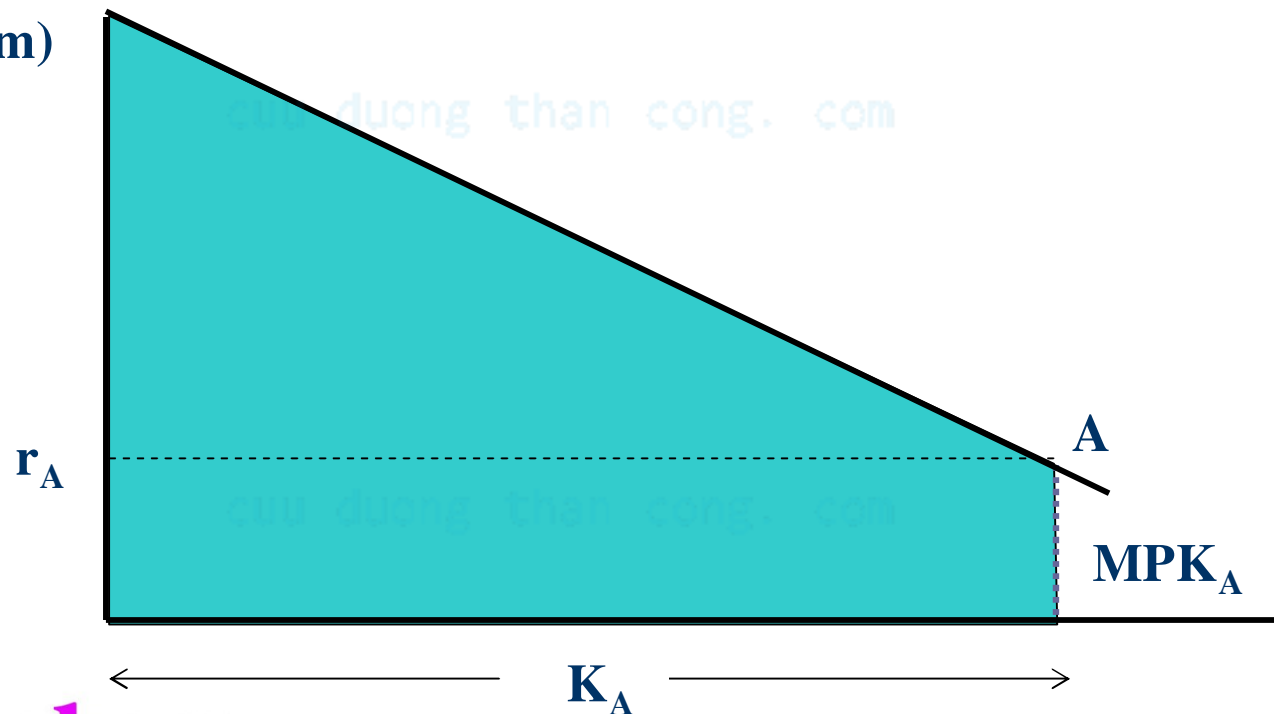
Quốc gia A: *tương đối dồi dào vốn K_A*

Năng suất biên của vốn: MPK_A

Lãi suất trong nước: r_A

DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ TÍN DỤNG QUỐC TẾ

Lợi tức
(%/năm)



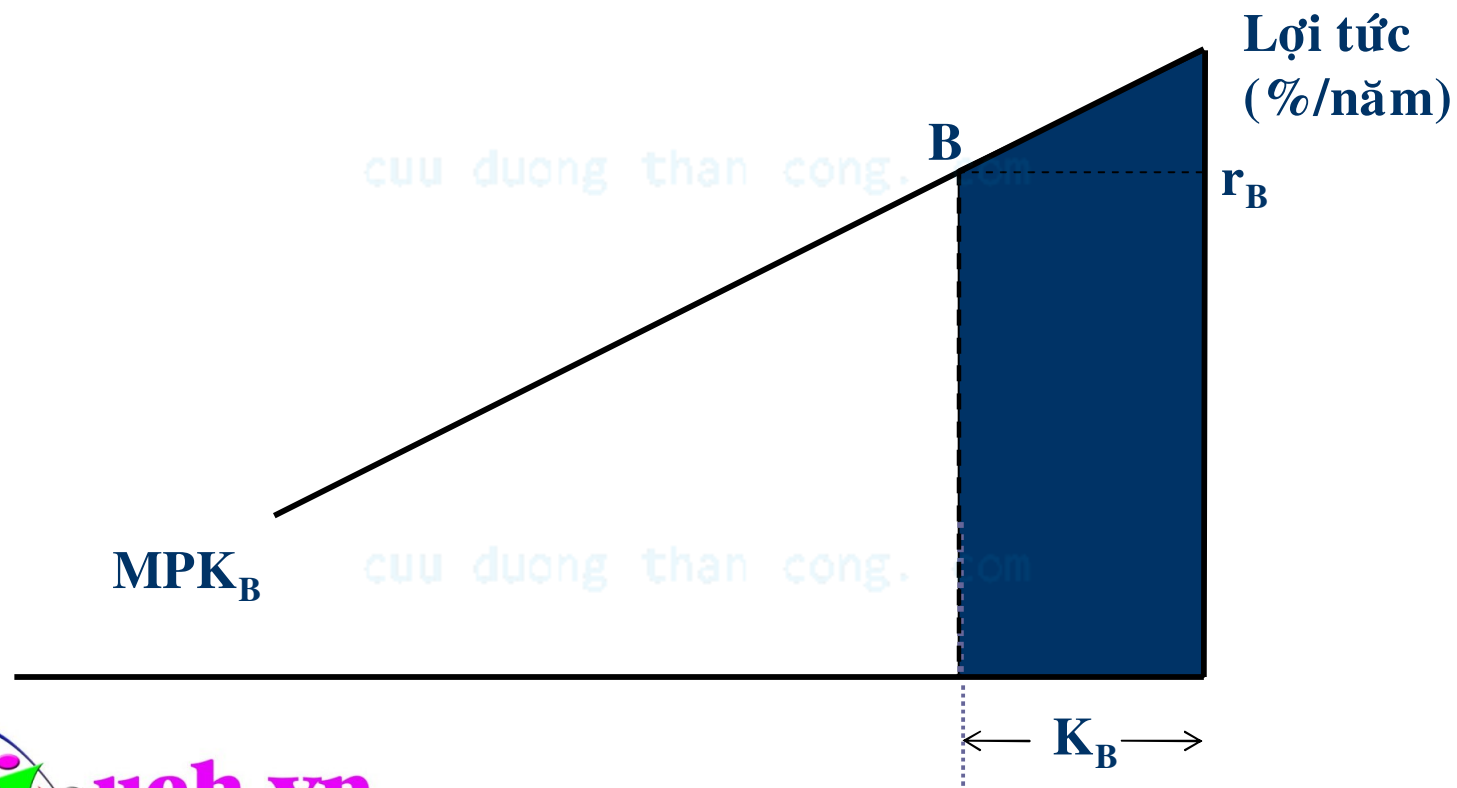
DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ TÍN DỤNG QUỐC TẾ

Quốc gia B: *có số lượng vốn ít hơn $K_B < K_A$*

Năng suất biên của vốn: MPK_B

Lãi suất trong nước: r_B

DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ TÍN DỤNG QUỐC TẾ



DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ

TÍN DỤNG QUỐC TẾ

Khi có tự do di chuyển vốn:

Vốn di chuyển từ A sang B

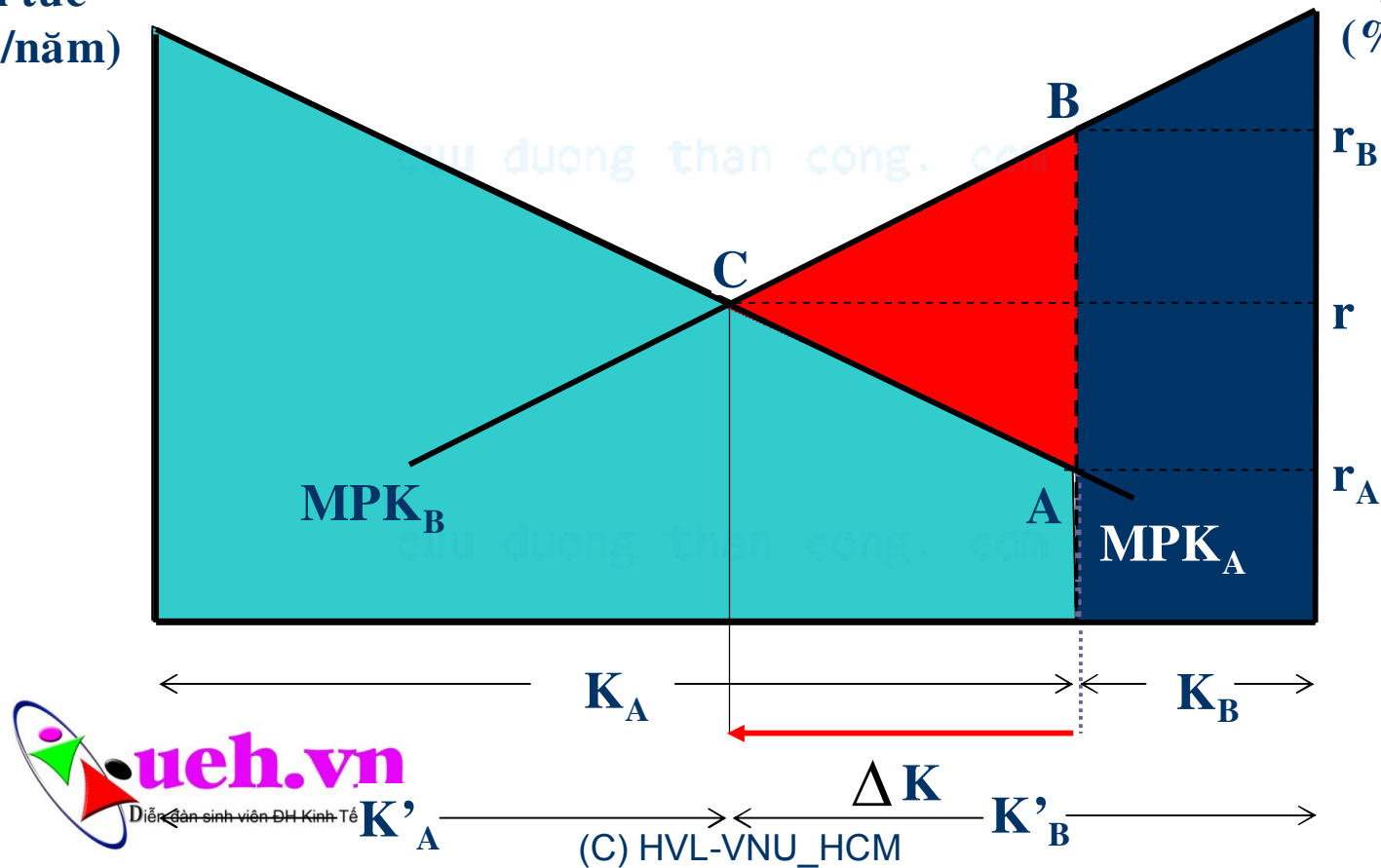
Lãi suất cân bằng (r): $r_A < r < r_B$

Tổng thu nhập ở hai quốc gia tăng lên
bằng phần ABC

DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ TÍN DỤNG QUỐC TẾ

Lợi tức
(%/năm)

Lợi tức
(%/năm)



DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ TÍN DỤNG QUỐC TẾ

Nếu một trong hai quốc gia (giả sử A) đặt ra thuế (t) đánh lên sự di chuyển vốn:

-Lãi suất ở A: r_1

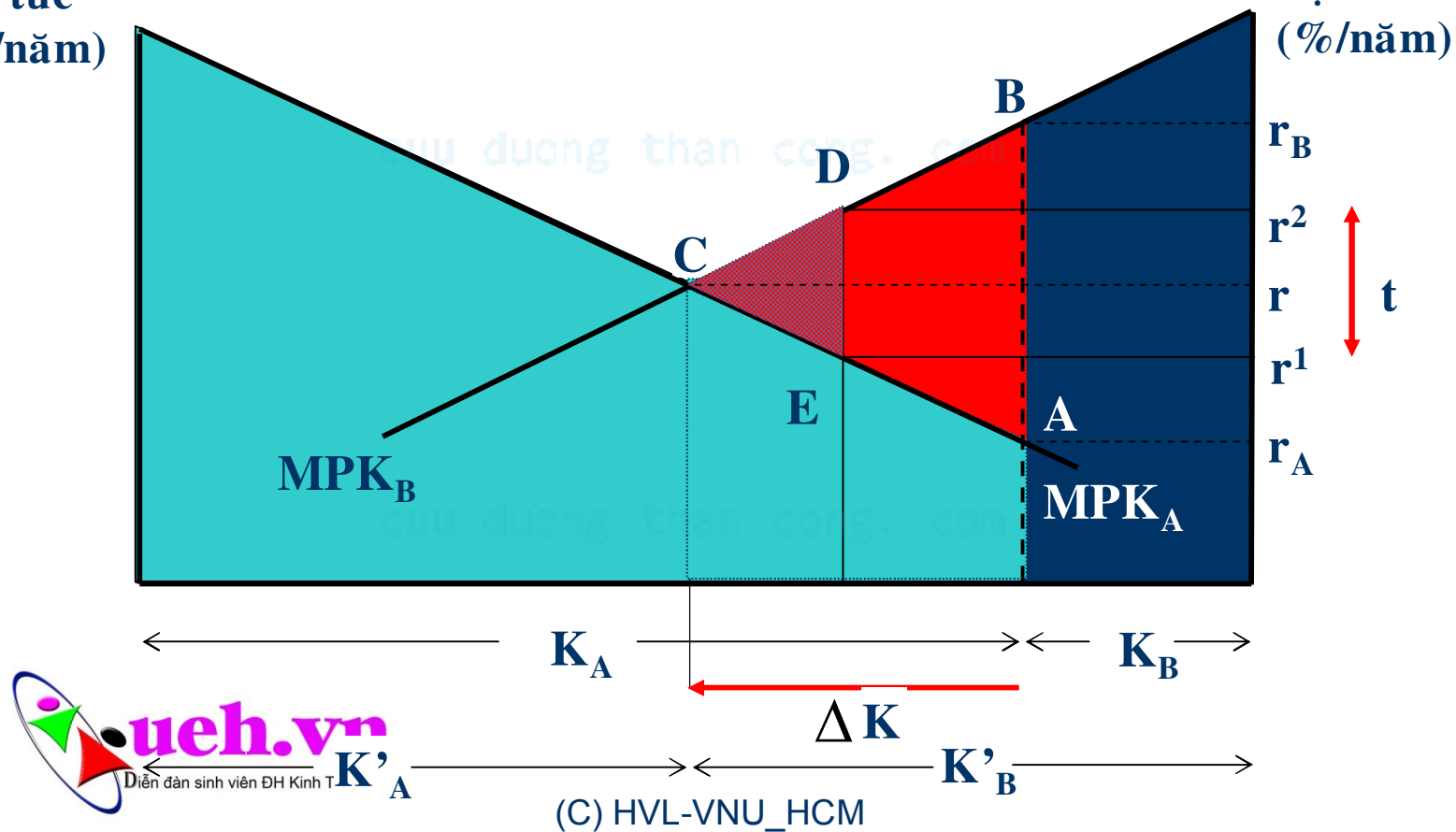
-Lãi suất ở B: r_2

-Tổng thu nhập giảm xuống so với trường hợp tự do di chuyển vốn: CDE

DI CHUYỂN NGUỒN LỰC QUỐC TẾ TÍN DỤNG QUỐC TẾ

Lợi tức
(%/năm)

Lợi tức
(%/năm)



KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ

TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Finance

cuu duong than cong. com



KINH TẾ HỌC QUỐC TẾ

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

Nội dung

Các hệ thống tỷ giá hối đoái

Thị trường trao ngay

Thị trường kỳ hạn

Thị trường euro đô la

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI FOREIGN EXCHANGE MARKET

Thị trường ngoại hối là nơi diễn ra các giao dịch mua bán các đồng tiền.

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

Các chức năng của thị trường ngoại hối:

Chuyển đổi sức mua của tiền tệ

Đảm bảo tín dụng cho ngoại thương

*Cung cấp phương tiện phòng ngừa rủi ro hối
đoái*

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

Các chức năng của thị trường ngoại hối: Chuyển đổi sức mua của tiền tệ

- Trao đổi các đồng tiền với nhau phục vụ cho các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ, đầu tư, du lịch...